

Số: 08/2023-TNT

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

I. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT**

- Mã chứng khoán: TNT

- Địa chỉ: Tầng 1A, tòa nhà Star City, số 23 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: (84-4) 6251 0894

- Fax: (84-4) 6251 0895

- E-mail: tainguyen.tntgroup@gmail.com

- Website: www.tainguyen.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/02/2023 tại đường dẫn www.tainguyen.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

*Báo cáo thường niên
năm 2022*

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

Người được UO CBTT

Phó TGD thường trực



VŨ TUẤN HOÀNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT



MỤC LỤC


I.	THÔNG TIN CHUNG	4
1.	Thông tin khái quát.....	4
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	7
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	9
4.	Định hướng phát triển	11
5.	Các rủi ro.....	13
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022	16
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2.	Tổ chức và nhân sự.....	18
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	23
4.	Tình hình tài chính.....	24
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	28
6.	Báo cáo tác động đến môi trường và các hoạt động xã hội của công ty	31
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	31
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	31
2.	Tình hình tài chính.....	32
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	35
4.	Kế hoạch tăng trưởng, phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2023	35
5.	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	36
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	36
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	37
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	37
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	37
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	38
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	38

1. Hội đồng quản trị	38
2. Ban Kiểm soát.....	42
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	45
4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	47
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	48
1. Tác động lên môi trường	48
2. Quản lý nguồn nhiên liệu	48
3. Tiêu thụ năng lượng	48
4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	48
5. Chính sách liên quan đến người lao động	49
6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	49
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	49

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin về Công ty

Tên Công ty	:	Công ty cổ phần Tập đoàn TNT
Tên giao dịch quốc tế	:	TNT Group Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	Tập đoàn TNT
Giấy CNĐKDN	:	0101881347
Vốn điều lệ	:	510.000.000.000 (Năm trăm mười tỷ) đồng
Địa chỉ	:	Tầng 1A, tòa nhà Star City, số 23 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	:	(84-24) 6251 0894
Fax	:	(84-24) 6251 0895
Website	:	www.tainguyen.vn
Logo	:	
Mã cổ phiếu	:	TNT
Sàn giao dịch	:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

a. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty cổ phần Tập đoàn TNT là Công ty TNHH Dương Quân. Ngày 24/02/2006, Công ty TNHH Dương Quân được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 3,6 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/02/2006) với lĩnh vực hoạt động chính là bất động sản, khoáng sản và các dịch vụ tư vấn liên quan.

Ngày 25/8/2006, Công ty TNHH Dương Quân được đổi tên thành Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên, vẫn giữ nguyên vốn điều lệ là 3,6 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/8/2006). Công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản và tư vấn khoáng sản.

Ngày 02/7/2007, Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên, đồng thời tăng vốn điều lệ của công ty lên 15 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02/7/2007) và bổ sung thêm lĩnh vực một số lĩnh vực kinh doanh.

Ngày 18/6/2008, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tài Nguyên, đồng thời tăng vốn điều lệ của công ty lên thành 30 tỷ đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 2 ngày 18/6/2008).

Năm 2009 là năm bản lề do Công ty triển khai thêm mảng kinh doanh bất động sản với sự ra đời của Công ty Cổ phần sản phẩm bất động sản Tài Nguyên và góp vốn liên doanh xây dựng khu chung cư và văn phòng làm việc cho thuê tại Nhân Chính – Hà Nội. Công ty tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành 85 tỷ (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 5 ngày 02/10/2009).

Sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện 3 lần phát hành riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Vốn thực góp sau khi tăng vốn là 85 tỷ đồng. Công ty trở thành Công ty đại chúng từ 02/12/2009 và đã đăng ký Công ty đại chúng với UBCKNN và được chấp thuận đủ điều kiện là Công ty đại chúng.

Ngày 14/02/2011, Mã số doanh nghiệp đổi thành 0101881347 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 9 ngày 14/02/2011).

Năm 2016, Công ty CP Tài Nguyên tăng vốn điều lệ của công ty lên thành 255 tỷ (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 13 ngày 25/02/2016).

Năm 2021, Công ty CP Tài Nguyên đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn TNT (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần 21 ngày 06/05/2021)

Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty*Đơn vị: 1.000 đồng*

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp	Giá trị tăng vốn thực góp	Phương thức tăng vốn
Khi thành lập (02/07/2007)	15.000.000	15.000.000		Góp vốn ban đầu
Lần 1: 18/06/2008	30.000.000	30.000.000	15.000.000	Phát hành cho cổ đồng hiện hữu theo quy định của Luật doanh nghiệp
Lần 2: 04/12/2008	40.000.000	40.000.000	10.000.000	Phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp
Lần 3: 10/06/2009	85.000.000	85.000.000	40.000.000	Phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp
Lần 4: 01/02/2016	255.000.000	255.000.000	170.000.000	Phát hành cho cổ đồng hiện hữu
Lần 5 14/12/2021	510.000.000	510.000.000	255.000.000	Phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp

*Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT***b. Niêm yết**

Ngày 21 tháng 5 năm 2010 Công ty đã được Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận chính thức niêm yết 8,5 triệu cổ phiếu trên HOSE với giá chào sàn là 24.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 10 tháng 03 năm 2016 Công ty đã được Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết bổ sung 17 triệu cổ phiếu.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 Công ty đã được Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết bổ sung 25,5 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

c. Các sự kiện khác

Tháng 7 năm 2010 Công ty đã được UBND tỉnh Hòa Bình chấp thuận cho đầu tư khu đô thị Tài Nguyên EcoCity quy mô 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đã xong quy hoạch chi tiết 1/500 và đang cân nhắc triển khai các bước tiếp theo tùy theo tình hình thực tế của thị trường bất động sản và khả năng tài chính của Công ty.

Tháng 10 năm 2010 Công ty đã ký Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư khu nhà ở đô thị Kiều Kỳ quy mô 17ha tại huyện Gia Lâm, Hà Nội trong đó Tài Nguyên chiếm 70% và cũng đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương. Hiện tại Công ty và các đối tác đang tiến hành các thủ tục để được duyệt quy hoạch 1/500.

Ngày 26 Tháng 11 năm 2015 TNT đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 94/GCN - UBCK và đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ lên 255 tỷ đồng.

Năm 2021, Tập đoàn TNT đã liên tục ký kết hợp tác với nhiều đối tác, trong đó có thể kể đến Việt Tiên Sơn Địa ốc - doanh nghiệp kinh doanh đa ngành và Tập đoàn hàng đầu thế giới Boskalis. TNT không ngừng sáng tạo, nỗ lực mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, mở ra cơ hội phát triển mới.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 TNT đã được Trung tâm lưu lý chứng khoán chấp thuận niêm yết bổ sung thêm 25,5 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh số 117/2010/GCNCP-VSD-3 và đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ lên 510 tỷ đồng.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, TNT đã ký kết biên bản hợp tác với Fibo Capital Việt Nam, đây là dấu mốc khởi đầu cho mối quan hệ giữa hai đơn vị, thúc đẩy quá trình hợp tác kinh doanh và mở ra cơ hội phát triển cho cả hai bên. Fibo Capital Việt Nam sẽ phối hợp với TNT trong phát triển dự án bất động sản, phân phối sản phẩm bất động sản đồng thời là nhà cố vấn tài chính, thu xếp vốn cho TNT trong các dự án hợp tác sắp tới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);

- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- Buôn bán thực phẩm các loại...v.v.

Trong đó, các dự án và hoạt động kinh doanh tiêu biểu của Công ty được tập trung trong các lĩnh vực sau:

- **Lĩnh vực khoáng sản**

Lĩnh vực khoáng sản là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty từ những ngày đầu thành lập, bao gồm 2 hoạt động chính: Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản và tư vấn trong lĩnh vực khoáng sản.

Đối với hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản, Công ty cũng đã đạt được những thành quả nhất định. Dự án khai thác quặng chì – kẽm hàm lượng thấp ở mỏ chì – kẽm của khu vực bản Xá Nhè, xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên để chế biến tinh quặng đạt tiêu chuẩn chất lượng nhằm cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy trong nước và xuất khẩu. Nhà máy tại Xá Nhè, xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên được Công ty giao cho Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên quản lý. Công suất của của nhà máy hiện nay là 150 tấn quặng nguyên khai/ngày. Nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ Quý IV năm 2009 và đã mang lại lợi nhuận cho Công ty. Do đặc điểm thân quặng tại mỏ khai thác, Công ty áp dụng kỹ thuật khai thác quặng nguyên khai lộ thiên. Sản phẩm tinh quặng chì kẽm của Công ty đạt hàm lượng chì, kẽm trên 50% và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo quy định của Thông tư số 08/2008/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản. Trong năm 2009, ngoài việc tiêu thụ nội địa, sản phẩm của Công ty đều xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong thời gian tới, Công ty định hướng tăng dần tỷ trọng tiêu thụ nội địa để đa dạng hóa đối tượng khách hàng, tiết kiệm chi phí vận chuyển, rút ngắn thời gian thanh toán của đối tác và qua đó tăng khả năng quay vòng vốn.

Đối với hoạt động tư vấn trong lĩnh vực khoáng sản, tuy thời gian hoạt động chưa lâu nhưng cán bộ lãnh đạo và nhân viên Công ty đã có kinh nghiệm tư vấn trình tự thủ tục xin cấp phép khai thác khoáng sản. Hoạt động tư vấn trong lĩnh vực khoáng sản một mặt tạo thêm lợi nhuận, mặt khác giúp đội ngũ cán bộ nhân viên tích lũy thêm kinh nghiệm trong lĩnh vực xin cấp phép khai thác khoáng sản để hỗ trợ cho hoạt động khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản của Công ty.

Tuy nhiên từ năm 2016 do những thay đổi về cơ chế chính sách cũng như các định hướng mới Công ty đã rút dần và tiến tới rút hoàn toàn khỏi lĩnh vực hoạt động kinh doanh này. Hiện tại Công

ty chỉ tập trung vào các lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

- ***Bất động sản***

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản của Công ty được triển khai bắt đầu từ năm 2009 với hai hoạt động chính là tư vấn, môi giới bất động sản và kinh doanh bất động sản.

Một số dự án bất động sản tiêu biểu mà Công ty đang triển khai thực hiện bao gồm Dự án khu nhà ở đô thị tại huyện Gia Lâm, Hà Nội; Dự án khu đô thị Tài Nguyên EcoCity và Dự án Khu nhà ở tại thành phố Điện Biên.

- ***Kinh doanh vật liệu xây dựng và thương mại***

- ✓ *Kinh doanh vật liệu xây dựng:* Công ty định hướng mở rộng hoạt động thương mại trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Các đối tác của công ty là các công ty kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, do đó Công ty có nhiều lợi thế về quan hệ kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty sẽ trực tiếp cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án do Công ty làm chủ đầu tư nhằm tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

- ✓ Ngoài ra Công ty cũng đang tiến hành triển khai một số hoạt động kinh doanh thương mại khác để đa dạng hóa hoạt động cũng như tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- ***Kinh doanh mua bán thực phẩm đông lạnh***

- ✓ Năm 2021, Công ty bắt đầu mở rộng thêm mảng kinh doanh mới là mua bán thực phẩm đông lạnh. Kể từ khi bắt đầu kinh doanh, mặt hàng này đã đóng góp phần lớn vào tổng doanh thu của Công ty.

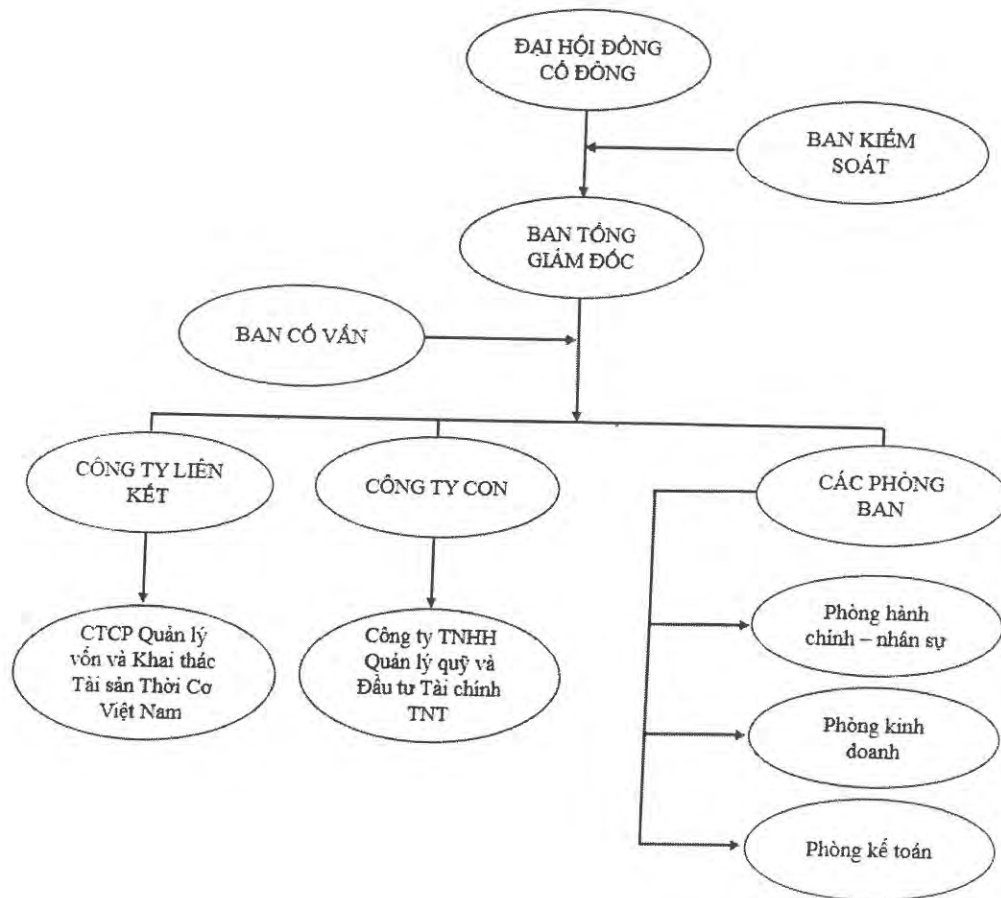
Địa bàn kinh doanh: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT hiện đang hoạt động chủ yếu trên địa bàn các thành phố lớn như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và một số tỉnh thành khác tại miền Bắc như Hòa Bình, Điện Biên, Lai Châu,...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị công ty

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



3.3. Các công ty con, công ty liên kết

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của TNT trên vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2022	Tỷ lệ sở hữu của TNT trên vốn điều lệ thực góp
Công ty con							
1	Công ty TNHH Quản lý	Km28 thôn Tân Phương, xã Đông	Kinh doanh dịch vụ bất động sản	50	100%	10,21	100%

	quỹ và Đầu tư Tài chính TNT	Phương Yên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội					
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết							
1	CTCP Quản lý vốn và Khai thác Tài sản Thời cơ Việt Nam	Tầng 1A, tòa nhà Star City, số 23 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	200	15%	60	50%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán của TNT)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Quản lý quỹ và đầu tư tài chính TNT là công ty TNHH MTV số 0108268549 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2018, thay đổi lần thứ 01 ngày 30/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, tổng vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2022, Công ty CP Tập đoàn TNT đã góp là 10.210.000.000 đồng, tương đương 20,42% vốn điều lệ (số đầu năm là 210.000.000 đồng, tương đương 0,42% vốn điều lệ). Số tiền Công ty còn phải góp vào Công ty TNHH Quản lý quỹ và đầu tư tài chính TNT là 39.790.000.000 đồng.

Theo Nghị Quyết số 14/2022/NQ-TNT được Hội đồng quản trị thông qua ngày 05/08/2022, đã công bố thông tin số 28/2022-TNT ngày 05/08/2022, Công ty CP Tập đoàn TNT góp vốn 30.000.000.000 đồng, chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty CP Quản lý vốn và Khai thác Tài sản Thời Cơ Việt Nam (Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng). Tuy nhiên, phía Công ty CP Quản lý vốn và khai thác Tài sản Thời Cơ Việt Nam chưa hoàn tất việc góp vốn theo quy định (Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2022 là 60.000.000.000 đồng). Công ty CP Tập đoàn TNT đã góp 30.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ sở hữu vốn là 50%, tỷ lệ quyền biểu quyết là 50%.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư vào Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tối đa hoá hiệu quả đầu tư chung của Công ty.

- Hướng tới một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, xây dựng và thương mại dịch vụ.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chuyên nghiệp và năng động, Công ty cổ phần Tập đoàn TNT từng bước phát triển, đã và đang khẳng định trở thành đối tác tin cậy của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Liên danh liên kết với một số tổ chức, doanh nghiệp để triển khai các dự án lớn, nâng cao vị thế của công ty.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chế độ trách nhiệm, ban hành cơ chế điều hành, cơ chế phân phối lợi ích và hoạt động của công ty để nâng cao trách nhiệm, khuyến khích người lao động và cổ đông đóng góp phần xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững.

- Thường xuyên quan tâm đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, cùng với việc đầu tư thiết bị công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng được tốc độ phát triển của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Với chiến lược phát triển nhanh, đúng đắn, công ty đang vươn tới mục tiêu trở thành công ty niêm yết có vốn hóa lớn.

- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư kinh doanh BĐS: định hướng đây là lĩnh vực kinh doanh chính của công ty. Lĩnh vực này được Công ty bắt đầu triển khai từ năm 2009. Ngoài việc mang lại lợi nhuận, lĩnh vực này còn hỗ trợ cho các hoạt động xây lắp, thương mại vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác cùng phát triển. Phấn đấu trong tương lai, Công ty sẽ trở thành một doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực đầu tư bất động sản tại Việt Nam.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Đảm bảo cân bằng lợi ích của các bên liên quan khác: khách hàng, cán bộ, nhân viên, đối tác.

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tiến hành thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng điện, lượng nước tiêu dùng. Tổ chức thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý rác thải phát sinh hàng ngày. Tổ chức dọn vệ sinh môi trường xung quanh các Dự án của Công ty. Tổ chức và tham gia các hoạt động tạo môi trường xanh, trong lành.

Hoạt động vì mục tiêu phát triển chung của toàn xã hội, gắn sự phát triển của Công ty với đại phương và địa bàn hoạt động. Chung tay vì cộng đồng, chia sẻ khó khăn với các đối tượng chính sách, hộ gia đình khó khăn qua các hoạt động từ thiện. Tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho xã hội, quan tâm đến đời sống của người lao động.

Tích cực đóng góp cho Ngân sách nhà nước thông qua việc nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, tiến hành kê khai và nộp đủ, kịp thời các loại thuế, phí tài nguyên, môi trường và bảo vệ môi trường và sự phát triển chung của địa phương, khu vực.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế

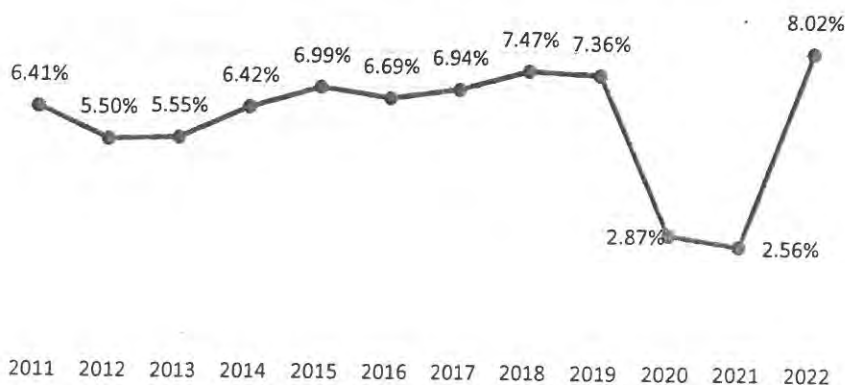
Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng tạo nên môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, sự thay đổi của nền kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với biến động của các yếu tố vĩ mô.

Trong năm 2022, sau khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam bắt đầu hồi phục mạnh mẽ trở lại, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 của Việt Nam lần đầu tiên vượt 400 tỷ USD. Theo Tổng cục thống kê, GDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Đặc biệt, GDP năm 2022 của Việt Nam ghi nhận mức tăng cao nhất trong vòng 12 năm qua với mức tăng 8,02% so với năm trước.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Chính phủ đã và đang triển khai nhiều chính sách tài khóa – tiền tệ phù hợp, hỗ trợ tối đa quá trình phục hồi kinh tế - xã hội sau dịch bệnh.

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 - 2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

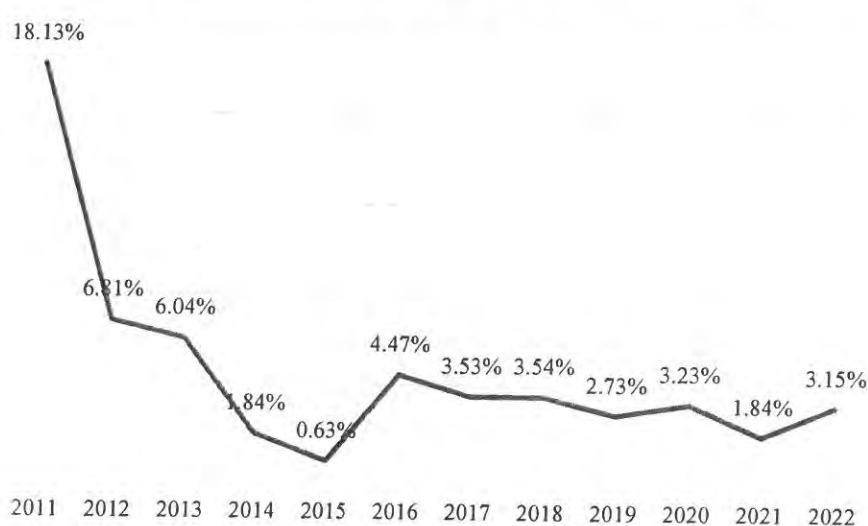
Với lĩnh vực kinh doanh chính hiện nay là kinh doanh thực phẩm đông lạnh, dịch vụ bất động sản...; kết quả hoạt động kinh doanh của CTCP Tập đoàn TNT phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế và mức độ chi tiêu của người dân. Việt Nam đã tăng trưởng tốt hậu đại dịch Covid-19 bất chấp những bất ổn về chính trị thế giới và lạm phát tăng cao, nhờ đó thu hút được đầu tư và sản xuất từ nước ngoài vào Việt Nam. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam năm 2023 lại được

đánh giá sẽ gặp nhiều thách thức bởi dự báo suy thoái toàn cầu. Vì vậy, CTCP Tập đoàn TNT luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho ban điều hành xu hướng trong tương lai và những tác động kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.

5.2. *Rủi ro lạm phát*

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2022



Năm 2022 là năm mà nền kinh tế thế giới chứng kiến tỷ lệ lạm phát cao chưa từng có do giá năng lượng tăng cao và các bất ổn chính trị trên toàn cầu. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn có thể kiểm chế tỷ lệ lạm phát dưới 4%; thể hiện sự quyết tâm cao độ của Chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, điều hành giá cả đồng thời thúc đẩy nền kinh tế hậu đại dịch.

Do tác động của lạm phát đến chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lạm phát luôn là chỉ số vĩ mô mà Công ty quan tâm và theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của mình.

5.3. *Rủi ro về lãi suất*

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Trong năm 2022, lãi suất cho vay tăng cao do lạm phát ảnh hưởng tiêu cực đến việc thanh toán của khoản vay và cản trở việc tiếp cận các khoản vay mới của các doanh nghiệp, trong đó có TNT. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến Quý IV/2022, lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại đã vượt ngưỡng 8%/năm. Đây được đánh giá là mức lãi suất rất cao trong một vài năm trở lại đây.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của CTCP Tập đoàn TNT, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Tuy nhiên, sự biến động lãi suất gây ra rủi ro chi phí đi vay tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, để hạn chế tác động của lãi suất lên chi phí của Công ty, ban lãnh đạo đã và đang nghiên cứu các kế hoạch tiếp cận các nguồn vốn khác ngoài vốn vay như vốn cổ phần.

5.4. Rủi ro về pháp luật

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp... Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung để đồng bộ với sự thay đổi của Luật Dân sự và Luật Hình sự. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh và giao dịch cổ phiếu của Công ty. Đặc biệt, các quy định liên quan đến quản trị Công ty đại chúng và công tác công bố thông tin đều được cập nhật và thay đổi liên tục.

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty có bộ phận pháp lý thường xuyên theo dõi, dự báo, cập nhật các thay đổi của pháp luật và ảnh hưởng đối với các dự án kinh doanh của Công ty. Liên tục đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nắm vững chuyên môn pháp lý, bên cạnh đó Công ty đã sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật nhằm đảm bảo chuẩn bị các thủ tục pháp lý dự án đầu tư cũng như quản trị doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

5.5. Rủi ro về môi trường

Theo nhận định của ban lãnh đạo, rủi ro về môi trường liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty là không cao, tuy nhiên trong khi tiến hành thi công dự án có thể xảy ra một số phát sinh ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nguồn nước cho môi trường xung quanh, hơn nữa các rủi ro về môi trường đều có ảnh hưởng về mặt pháp lý, nên Công ty luôn chú trọng việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến yếu tố môi trường, mỗi dự án đều có các chuyên gia uy tín thẩm định, đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện.

5.6. Rủi ro khác

Năm 2022, với những diễn biến khó lường của tình hình dịch bệnh Covid-19, việc xem xét các kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh và ứng phó khủng hoảng là điều quan trọng, đồng thời công ty cũng đã chuẩn bị và đưa vào thử nghiệm các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau cho phù hợp với tình hình mới. Để giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra, công ty đã thực hiện một chuỗi các kế hoạch hành động, điển hình như các biện pháp giãn cách, tuân thủ các quy định về phòng chống dịch như phát khẩu trang cho nhân viên và khách hàng tới công ty, đo thân nhiệt, bố trí nước

sát khuẩn tại các cửa ra vào, phun khử khuẩn và vệ sinh môi trường làm việc để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm.

Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến việc giảm và chậm tiến độ thực hiện các dự án, các kế hoạch sản xuất kinh doanh khác của công ty nhằm đảm bảo các quy định an toàn trong công tác phòng chống dịch.

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty như các hiện tượng thiên tai (bão lụt, động đất...), rủi ro mang tính địa chính trị.

5.7. Quản trị rủi ro

Chính sách quản lý rủi ro được xây dựng trong đó xác định phương pháp tiếp cận đối với rủi ro và quản lý rủi ro. Đồng thời chính sách quản lý rủi ro cũng nêu rõ trách nhiệm trong việc quản lý rủi ro trong toàn bộ doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm xác định định hướng chiến lược và cơ cấu cho chức năng quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất cho Công ty

Các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp có trách nhiệm trước hết trong việc quản lý rủi ro hàng ngày, gắn kết việc nhận thức và tuyên truyền về quản lý rủi ro trong bộ phận mình công tác. Công ty chú trọng công tác kiểm toán/kiểm soát nội bộ để đảm bảo rằng công tác quản lý rủi ro được thực thi có hiệu quả thông qua việc đánh giá theo chương trình, kế hoạch đã được đề ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022 theo BCTC riêng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	
			Giá trị	Thay đổi (%)
Tổng tài sản	Triệu đồng	586.047	584.280	-0,30
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	552.517	558.922	1,16
Doanh thu thuần	Triệu đồng	638.049	379.278	-40,56
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	29.596	6.404	-78,36
EPS	Đồng/CP	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã kiểm toán của CTCP Tập đoàn TNT)

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	
			Giá trị	Thay đổi (%)
Tổng tài sản	Triệu đồng	586.188	602.427	2,77
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	552.658	559.590	1,25
Doanh thu thuần	Triệu đồng	640.949	379.278	- 40,83
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	29.736	6.932	- 76,69
EPS	Đồng/CP	1.111	136	- 87,76

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán của CTCP Tập đoàn TNT)

Năm 2022 là một năm đầy biến động và gây ra nhiều khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, kết quả đạt được đã phản ánh sự quyết tâm cao và sự nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Kết quả hợp nhất năm 2022 cụ thể như sau:

- Doanh thu năm 2022 hợp nhất đạt 379 tỷ đồng, giảm 40,83% so với năm 2021. Năm 2021, doanh thu hợp nhất của Công ty chủ yếu từ hoạt động mua bán thực phẩm đông lạnh và vật liệu xây dựng (mặt hàng Cát). Đến năm 2022, Công ty tạm dừng hoạt động mua bán mặt hàng vật liệu xây dựng (mặt hàng Cát) từ tháng 9/2022 do lợi nhuận ít, các đơn hàng mua bán thực phẩm đông lạnh giảm, đặc biệt Quý 3 và Quý 4 năm 2022 giảm mạnh do nguồn cung cấp thực phẩm đông lạnh từ nước Nga không ổn định.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt gần 7 tỷ đồng, giảm 76,69% so với năm 2021 chủ yếu do doanh thu giảm đồng thời chi phí tăng mạnh. Trong năm 2022, một số dự án của Công ty đang trong giai đoạn hoàn thiện hoặc mới chỉ ở trong giai đoạn đầu nên chưa ghi nhận thêm doanh thu và vẫn phải chịu thêm nhiều chi phí. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng do năm 2022 Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ xấu với tổng số tiền trích lập là 52,6 tỷ đồng, cao hơn gần 18,6 tỷ đồng so với năm 2021.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	TH 2022/KH 2022 (%)
Doanh thu	1.500	379,28	25,29

Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	TH 2022/KH 2022 (%)
Lợi nhuận trước thuế	75	8,75	11,67
Lợi nhuận sau thuế	60	6,93	11,55

So với kế hoạch năm 2022 đã đề ra là doanh thu đạt 1.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 60 tỷ đồng, hết năm 2022, Công ty chỉ mới hoàn thành được 25,29% kế hoạch doanh thu và 11,55% kế hoạch lợi nhuận. Nguyên nhân là do trong năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự khó khăn chung của nền kinh tế. Về mảng thực phẩm đông lạnh và vật liệu xây dựng, năm 2021, đây là mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, sang năm 2022, đơn đặt hàng và nguồn cung từ nước Nga bị giảm mạnh đồng thời Công ty cũng tạm dừng hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng (mặt hàng Cát) do lợi nhuận ít khiến doanh thu của Công ty sụt giảm mạnh. Về mảng bất động sản, các dự án bất động sản tiêu biểu của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên chưa ghi nhận được doanh thu mà còn gánh thêm nhiều chi phí.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty bao gồm 04 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng, thực hiện các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Danh sách Ban Điều hành của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
3	Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
4	Vũ Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng

a. Ông Lưu Quang Minh – Tổng Giám đốc

Họ và tên:	LƯU QUANG MINH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, chuyên ngành quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay:	Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT của CTCP Tập đoàn MPT - Chủ tịch HĐQT của CTCP Phát triển hạ tầng Hà Nội
Quá trình công tác:	
Tháng 5/2021 - nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	<ul style="list-style-type: none"> - Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phiếu (2,941% cổ phần) - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không

b. Ông Nguyễn Bá Huân

Họ và tên:	NGUYỄN BÁ HUÂN
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng Giám đốc kiêm đại diện theo pháp luật của CTCP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Vườn Sinh thái Long Biên
Quá trình công tác:	
- Năm 2001 - 2003	Phó Giám đốc Công ty TNHH Long Phát
- Năm 2003 - 2006	Phó Giám đốc Công ty TNHH Phương Nam
- Năm 2006 – T6/2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên
- T6/2008 – T11/2008	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên
- T12/2008 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 4.299.000 cổ phiếu (8,429% cổ phần)

	- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	<p>Vợ là Nguyễn Thị Hoàn sở hữu 2.000 cổ phiếu (0,039% cổ phần);</p> <p>Em trai là Nguyễn Bá Thắng sở hữu 2.000 cổ phiếu (0,039% cổ phần);</p> <p>Em trai là Nguyễn Bá Đạt sở hữu 2.000 cổ phiếu (0,039% cổ phần);</p> <p>CTCP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam, công ty do ông Nguyễn Bá Huân là TGD, sở hữu 1.000.000 cổ phiếu (0,196% cổ phần)</p>

c. Ông Vũ Tuấn Hoàng

Họ và tên:	VŨ TUẤN HOÀNG
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác:	
- Năm 1994 - 1997	Phó phòng Giao dịch và Ngân quỹ - Ngân hàng VPBank
- Năm 1997 - 1998	Trợ lý TGD, Giám đốc Trung tâm thương mại – Tổng Công ty Hồ Tây, Ban Tài chính Quản trị Trung ương
- Năm 1998 - 2005	Năm 1998 – 2005: Phó Giám đốc điều hành, Giám đốc các dự án quốc tế - Công ty tư vấn Tài chính Ngân hàng
- Năm 2005 - 2008	Phó TGD thứ nhất – Công ty liên doanh chế tạo xe máy LIFAN Việt Nam
- Năm 2008 - 2010	Trợ lý TGD, Chánh Văn phòng HĐQT – Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông Việt Nam

- T10/2010 – T7/2012	Phó TGD phụ trách đầu tư và kinh doanh – Công ty Cổ phần Tài Nguyên
- T7/2012 – T1/2017	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tài Nguyên
- T1/2017 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT của CTCP Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 154.300 cổ phiếu (0,302% cổ phần) - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không

d. Bà Vũ Thị Hồng Nhung – Kế toán trưởng

Họ và tên:	VŨ THỊ HỒNG NHUNG
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Quá trình công tác:	
- Năm 2002 - 2005	Kế toán viên - Công ty LD Thẻ Thông Minh MK
- Năm 2005 - 2008	Kế toán trưởng – Công ty CP Công Nghệ HT
- Năm 2008 - 2009	Kế toán tổng hợp – Công ty TNHH May và Quảng Cáo Việt
- Năm 2010 – T12/2012	Kế toán tổng hợp – Công ty CP Tài Nguyên
- T12/2012 – T3/2013	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tài Nguyên
- T10/2014 - nay	Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không
--------------------------------------------------------------	-------

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Lê Quốc Toàn- Phó Tổng Giám đốc	14/09/1972	Cử nhân kinh tế	Được bổ nhiệm ngày 08/02/2022 và miễn nhiệm ngày 03/08/2022

2.3. Cơ cấu nhân sự

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động là 8 người (không tính tại các Công ty con)

STT	Phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo giới tính	8	100
1.1	Nam	3	37,5
1.2	Nữ	5	62,5
2	Phân theo hợp đồng lao động	8	100
2.1	Hợp đồng mùa vụ (dưới 3 tháng)	0	0
2.2	Hợp đồng từ 3 – 12 tháng	1	12,5
2.3	Hợp đồng từ 1 - 3 năm	0	0
2.4	Hợp đồng vô thời hạn	7	87,5
3	Phân theo trình độ lao động	8	100
3.1	Trình độ Đại học và trên Đại học	8	100
3.2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	0	0
3.3	Trình độ phổ thông	0	0

Chính sách đối với người lao động:

- Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện đầy đủ về BHXH, BHYT, BHTN, ... khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội, tạo điều kiện cho người lao động tham gia hoạt động văn hóa, thể thao, ...

- Công ty đã giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.

- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo.

- Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Dự án khu nhà ở đô thị Kiều Kỵ tại huyện Gia Lâm, Hà Nội

Dự án khu nhà ở đô thị Kiều Kỵ tại huyện Gia Lâm, Hà Nội có tổng diện tích gần 20ha, vốn đầu tư dự kiến khoảng 1.500 tỷ đồng. Dự án đang trong giai đoạn đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý và sẽ được triển khai sớm trong thời gian tới.

b. Dự án khu đô thị Tài Nguyên EcoCity

Dự án khu đô thị Tài Nguyên EcoCity có tổng diện tích khoảng 98ha, nằm tại địa chỉ huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Dự án có tổng vốn đầu tư khoảng 4.500 tỷ đồng. Hiện dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

c. Dự án Khu nhà ở tại thành Phố Điện Biên

Dự án Khu nhà ở tại thành Phố Điện Biên có tổng diện tích 6,5ha, địa chỉ tại thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên. Dự án là thành quả của việc hợp tác kinh doanh giữa TNT và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên, trong đó TNT tham gia 65% dự án. Hiện nay dự án đã xây dựng xong và đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để bàn giao sản phẩm cho khách hàng.

d. Dự án Tổ hợp Khách sạn – Resort cao cấp tại Lô D11, Khu 1 thuộc Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh

Dự án Tổ hợp Khách sạn – Resort cao cấp tại Lô D11, Khu 1 thuộc Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã hoàn thiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng và đang trong giai đoạn thực hiện.

3.2. Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm 2022

Trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn để thành lập Công ty cổ phần Quản lý vốn và khai thác tài sản thời cơ Việt Nam (V.O.I Capital) với tổng vốn điều lệ là 200 tỷ đồng, trong đó TNT góp 15% tương đương 30 tỷ đồng vào V.O.I Capital.

3.3. Tình hình hoạt động của các Công ty con

Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty có duy nhất 01 Công ty con là Công ty TNHH Quản lý quỹ và Đầu tư Tài chính TNT. Tình hình hoạt động của Công ty con trong năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị (triệu đồng)
Tổng giá trị tài sản	28.357
Vốn chủ sở hữu	10.878
Doanh thu thuần	3.424
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	659
Lợi nhuận khác	0
Lợi nhuận trước thuế	659
Lợi nhuận sau thuế	527

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty theo BCTC riêng:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/giảm của năm 2022 so với năm 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	586.047	584.280	-0,30
Doanh thu thuần	638.049	379.278	-40,56

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/giảm của năm 2022 so với năm 2021 (%)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	36.707	3.375	-90,81
Lợi nhuận khác	(92)	4.715	-
Lợi nhuận trước thuế	36.615	8.090	-77,91
Lợi nhuận sau thuế	29.596	6.404	-78,36
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của TNT)

Tình hình tài chính của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/giảm của năm 2022 so với năm 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	586.188	602.427	2,77
Doanh thu thuần	640.949	379.278	-40,83
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	36.883	4.034	-89,06
Lợi nhuận khác	(92)	4.715	-
Lợi nhuận trước thuế	36.791	8.749	-76,22
Lợi nhuận sau thuế	29.736	6.932	-76,69
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của TNT)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty theo BCTC riêng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	16,73	21,97
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	14,66	20,76
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,06	0,04
- Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,06	0,05
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	13,32	7,93
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	1,36	0,65
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	4,64	1,69
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,36	1,15
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	5,05	1,10
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,75	0,89

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của TNT)

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty theo BCTC hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	16,74	12,87
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	14,68	12,20
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,06	0,07
- Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,06	0,08
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	13,38	7,93
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	vòng	1,09	0,64
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	4,64	1,83
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,38	1,24
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	5,07	1,15
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,75	1,06

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của TNT)

Trong năm 2022, tổng nợ phải trả của Công ty theo BCTC hợp nhất chỉ chiếm 7% tổng tài sản và 8% vốn chủ sở hữu. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tuy giảm so với năm trước nhưng vẫn giữ được ở mức rất cao lần lượt là 12,87 và 12,20; điều này cho thấy cơ cấu nguồn vốn của Công ty khá lành mạnh và rủi ro thanh khoản ở mức rất thấp. Tuy nhiên, năm 2022 lại là một năm kinh doanh khó khăn khi chứng kiến doanh thu và lợi nhuận của Công ty sụt giảm mạnh. Các chỉ số ROE và ROA trong năm chỉ dừng ở mức 1,2% và 1,2% so với mức 5,4% và 5,1% của năm trước. Ngoài ra, trong năm Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ xấu cao hơn so với năm trước khiến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, dẫn đến các chỉ số ROS và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần sụt giảm mạnh, tương ứng 1,8% và 1,1% so với 4,6% và 5,8% của năm 2021.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 51.000.000 (Năm mươi một triệu) cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 51.000.000 (Năm mươi một triệu) cổ phần.
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 51.000.000 (Năm mươi một triệu) cổ phần.
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 (không) cổ phần.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

5.2. Cơ cấu cổ đông

a. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 05/05/2022 (ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất)

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	2	19.799.020	38,822
	- Trong nước	2	19.799.020	38,822
	- Nước ngoài	0	0	0

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
4	Công đoàn Công ty	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0
7	Cổ đông khác	1.512	31.200.980	61,178
	- Trong nước	1.496	31.140.090	61,059
	- Nước ngoài	16	60.890	0,119
	Tổng cộng	1.514	51.000.000	100
	<i>Trong nước</i>	<i>1.498</i>	<i>50.939.110</i>	<i>99,881</i>
	<i>Nước ngoài</i>	<i>16</i>	<i>60.890</i>	<i>0.119</i>

b. Cơ cấu sở hữu cổ phần tại thời điểm 05/05/2022

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu $\geq 5\%$ cổ phần	2	19.799.020	38,822
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phần	1.512	31.200.980	61,178
	Tổng cộng	1.514	51.000.000	100

c. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Theo công văn số 8224/UBCK-PTTT ngày 08/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Tập đoàn TNT theo quy định của pháp luật là 49%.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2022

Đơn vị: 1.000 VNĐ

Thời gian	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận
02/07/2007	15.000.0000	15.000.0000	Góp vốn của các cổ đông sáng lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
18/06/2008	15.000.0000	30.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
04/12/2008	10.000.000	40.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
10/06/2009	45.000.000	85.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
01/02/2016	170.000.000	255.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
14/12/2021	255.000.000	510.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ*

Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

Trong năm 2022, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. *Các chứng khoán khác*

Không có

6. Báo cáo tác động đến môi trường và các hoạt động xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2022:

+/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

+/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2022, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty còn quan tâm tới các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 là năm nền kinh tế Việt Nam bắt đầu hồi phục trở lại sau khi bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid 19. Tuy nhiên, sự hồi phục của nền kinh tế lại bị thách thức bởi tình trạng bất ổn chính trị trên toàn thế giới, sự leo thang của giá cả và sự khó khăn của thị trường tài chính trong nước. Mặc dù phải chịu sự ảnh hưởng từ những khó khăn chung nhưng kết quả đạt được đã thể hiện nỗ lực và sự quyết tâm rất lớn của ban điều hành và toàn thể công ty.

STT	Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	% TH 2022/KH 2022
1	Doanh thu (tỷ đồng)	1.500	379,28	25,29
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	75	8,75	11,67
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	60	6,93	11,55

Năm 2021, doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động mua bán thực phẩm đông lạnh và vật liệu xây dựng (mặt hàng Cát). Đến năm 2022, Công ty tạm dừng hoạt động mua bán mặt hàng vật liệu xây dựng (mặt hàng Cát) từ tháng 9/2022 do lợi nhuận ít, các đơn hàng mua bán thực phẩm đông lạnh giảm, đặc biệt Quý 3 và Quý 4 năm 2022 giảm mạnh do nguồn cung cấp thực phẩm đông

lạnh từ nước Nga không ổn định. Do đó, doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 giảm 40,56% so với năm 2021 và chỉ thực hiện được 25,29% kế hoạch năm 2022.

Về hoạt động kinh doanh của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây dựng, các Dự án Khu nhà ở Tân Thanh tỉnh Điện Biên đang trong quá trình hoàn thiện nghiệm thu thanh toán dự kiến xong 2024; Dự án Tổ hợp Khách sạn – Resort cao cấp tại Lô D11, Khu 1 thuộc Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa vẫn trong giai đoạn đầu của Dự án.

Trong năm, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng làm lợi nhuận giảm mạnh. Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ xấu với tổng số tiền trích lập là hơn 52,62 tỷ đồng, tăng 18,6 tỷ đồng so với năm 2021. Do đó, Công ty mới chỉ thực hiện được 11,55% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2022.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của Công ty theo BCTC riêng:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	01/01/2022	31/12/2022
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	141.930	357.973
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	12.260
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	299.127	78.306
4	Hàng tồn kho	62.319	26.095
5	Tài sản ngắn hạn khác	891	206
6	Các khoản phải thu dài hạn	81.002	74.003
7	Tài sản cố định	561	140
8	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	210	35.297
9	Tài sản dài hạn khác	8	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của TNT)

Tình hình tài sản của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	01/01/2022	31/12/2022
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	142.278	358.316
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	40.274
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	299.127	78.306
4	Hàng tồn kho	62.319	26.095
5	Tài sản ngắn hạn khác	894	206
6	Các khoản phải thu dài hạn	81.002	74.003
7	Tài sản cố định	561	140
8	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	25.087
9	Tài sản dài hạn khác	8	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của TNT)

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2022 tăng 2,8% so với thời điểm cuối năm 2021 từ hơn 586 tỷ đồng lên 602 tỷ đồng. Tài sản của công ty tập trung chủ yếu ở tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả của Công ty theo BCTC riêng:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022
I	Nợ ngắn hạn	30.137	21.615
1	Phải trả người bán ngắn hạn	10.041	2.754
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.917	1.828

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022
4	Phải trả người lao động	121	165
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.598	1.991
6	Phải trả ngắn hạn khác	12.182	2.080
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	278	12.797
II	Nợ dài hạn	3.393	3.743
1	Phải trả dài hạn khác	3.000	3.628
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	393	116
	Tổng cộng	33.530	25.359

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của TNT)

Tình hình nợ phải trả của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022
I	Nợ ngắn hạn	30.137	39.094
1	Phải trả người bán ngắn hạn	10.041	2.754
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.917	1.957
4	Phải trả người lao động	121	165
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.598	1.991
6	Phải trả ngắn hạn khác	12.182	2.080
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	278	30.146
II	Nợ dài hạn	3.393	3.743

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022
1	Phải trả dài hạn khác	3.000	3.628
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	393	116
	Tổng cộng	33.530	42.837

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của TNT)

Công ty có một số khoản nợ phải trả ngắn hạn tuy nhiên vẫn nằm trong tầm kiểm soát, Công ty cũng đã làm việc với các đối tác, tiến hành gia hạn nợ và có lộ trình thanh toán cụ thể. Do vậy trong ngắn hạn các khoản nợ phải trả không ảnh hưởng nhiều đến khả năng thanh toán của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2022, Công ty đã từng bước cải thiện cơ cấu tổ chức và quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chuyên môn hóa cao, dần tách biệt quản trị công ty với quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

Với phương châm con người là cốt lõi của sự phát triển, TNT đã nỗ lực không ngừng để xây dựng Công ty với những người không những phù hợp về năng lực chuyên môn mà còn hòa hợp trong tư duy, văn hóa doanh nghiệp. Bởi lẽ đó đội ngũ cán bộ nhân viên của TNT đã ngày càng lớn mạnh, sáng tạo, hoàn thiện chuyên môn, kỹ năng. Trong năm 2022, dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc, các hoạt động về nhân sự được triển khai trên những mảng tiêu biểu như sau:

- Tiếp tục duy trì và phát huy các chính sách tốt về lương thưởng, chế độ đãi ngộ, phúc lợi với cán bộ nhân viên.
- Rà soát, đánh giá và thực hiện cải tiến trong hoạt động quản trị nhân sự.
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ, xây dựng khối đoàn kết gắn bó.
- Tiếp tục bồi đắp và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp sâu rộng trong đời sống của cán bộ nhân viên.

4. Kế hoạch tăng trưởng, phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2023

Trên cơ sở những kết quả đạt được của năm 2022, trước tình hình dự báo đầy biến động của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, cùng với năng lực con người, thương hiệu, uy tín của Công ty, Ban lãnh đạo của TNT xây dựng kế hoạch năm 2023 với những mục tiêu cụ thể như sau:

Căn cứ theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-TN ngày 13/01/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về thông qua kế hoạch hoạt động năm 2023, các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2023 bao gồm:

- Doanh thu hợp nhất: 1.050 tỷ đồng
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 75 tỷ đồng

- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 60 tỷ đồng

Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện các công việc và định hướng triển khai các dự án cụ thể như sau:

Dự án khu nhà ở đô thị Kiều Kỳ. Tháng 10 năm 2010 Công ty đã ký Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư khu nhà ở đô thị Kiều Kỳ quy mô 17ha tại huyện Gia Lâm, Hà Nội trong đó TNT chiếm 70% và cũng đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương. Dự án đang hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư và thủ tục pháp lý còn lại.

Dự án khu đô thị Tài Nguyên EcoCity. Tháng 07 năm 2010 Công ty đã được UBND tỉnh Hòa Bình chấp thuận cho đầu tư khu đô thị Tài Nguyên EcoCity quy mô 98ha tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hiện đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

Dự án Khu nhà ở phía Tây Sông Nậm Rốm và Khu nhà ở Tân Thanh tỉnh Điện Biên: Dự án Khu nhà ở phía Tây Sông Nậm Rốm và Khu nhà ở Tân Thanh tỉnh Điện Biên sẽ được Công ty hoàn thiện về thủ tục để bàn giao trong thời gian tới.

Các hoạt động thương mại. Để tăng doanh thu, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh cũng như hỗ trợ cho lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, Công ty đã phát triển định hướng mở rộng hoạt động thương mại trong một số lĩnh vực mới như: kinh doanh thực phẩm, hàng đông lạnh, máy móc thiết bị, phân bón, thức ăn gia súc và kinh doanh mặt hàng vật liệu xây dựng. Ngoài ra các lĩnh vực, mặt hàng mới về mảng thương mại cũng sẽ giúp Công ty tăng được doanh thu và lợi nhuận.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình. (Tại Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, ý kiến của kiểm toán là chấp thuận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

6.1. Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2022:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Năm 2022 Công ty luôn chăm lo đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty luôn quan tâm đến các hoạt động thiện nguyện, xã hội do địa phương tổ chức và luôn sẵn sàng hưởng ứng những lời kêu gọi ủng hộ cho cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn, cũng như dựa trên tình hình thực tế, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời thống nhất và đưa ra kế hoạch hoạt động và kinh doanh. Tuy vậy, năm 2022, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra như sau:

- Chỉ tiêu Doanh thu thực hiện so với kế hoạch: 25,29%
- Lợi nhuận trước thuế TNDN thực hiện so với kế hoạch: 11,67%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN thực hiện so với kế hoạch: 11,55%

Trong năm 2022, bộ máy tổ chức nhân sự của Công ty đã ổn định. Công ty đã thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu Công ty, đã và đang tìm chọn các đối tác có uy tín để ký thêm các hợp đồng kinh tế mới đem lại sự ổn định cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đồng thời cũng chỉ đạo Ban Giám đốc cũng như cán bộ nhân viên của Công ty tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội và môi trường cộng đồng tại tất cả các địa phương mà Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đóng góp đầy đủ về tài chính trong khả năng của mình. Hội đồng quản trị luôn quán triệt ý thức về đóng góp, xây dựng, bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2022, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng giám đốc đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ do HĐQT giao phó, đảm bảo tốt công tác điều hành Công ty theo đúng những mục tiêu, phương hướng mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Ban Tổng giám đốc đã duy trì bộ máy nhân sự hợp lý, tận dụng được nguồn nhân lực để phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng giám đốc cần xây dựng kế hoạch thu hút và đào tạo thêm nhiều nhân tài để bổ sung vào lực lượng nhân sự, kịp thời phục vụ cho các công tác triển khai nhiều dự án lớn hơn của Công ty trong thời gian tới.

Nhìn chung, các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ được giao, thực hiện sát sao những chỉ đạo của HĐQT cũng như Ban Tổng giám đốc. Trong thời gian tới, các cán bộ quản lý cần trau dồi và trang bị thêm nhiều kỹ năng, kiến thức để có thể duy trì và làm tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Đề ra các kế hoạch và phương hướng phát triển phù hợp với diễn biến của thị trường Bất động sản, mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông. Phối hợp chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.
- Rà soát điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định nội bộ cho phù hợp với quy định nội bộ cho phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Chủ động tìm kiếm các nguồn vốn trung và dài hạn thông qua Thị trường chứng khoán và các Nhà đầu tư chiến lược để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty để tăng nhanh doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Tìm kiếm các cơ hội và ý tưởng kinh doanh đột phá, thúc đẩy sự phát triển của Công ty trên một số lĩnh vực mới có thể mạnh cạnh tranh.
- Tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn phù hợp để đáp ứng được tiềm năng phát triển trong thời gian tới.
- Định hướng của Hội đồng quản trị cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 nhất trí như đề xuất của Ban Tổng giám đốc.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Danh sách HĐQT bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Gia Minh	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Nguyễn Bá Huấn	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ
4	Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ
5	Nguyễn Thanh Sang	Thành viên HĐQT độc lập

Ông Nguyễn Gia Long – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	NGUYỄN GIA LONG
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT của CTCP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của CTCP Đầu tư Thương mại VN CCG - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD của CTCP Đầu tư Phát triển Nguyên Hưng
Quá trình công tác:	
- Năm 1999 - 2003	Giám đốc công ty TNHH Long Phát
- Năm 2003 - 2008	Chuyên viên Bộ Tài Nguyên và Môi trường
- Năm 2008 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	<ul style="list-style-type: none"> - Sở hữu cá nhân: 16.500.020 cổ phiếu (32,352% cổ phần) - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	<ul style="list-style-type: none"> - Mẹ đẻ là Nguyễn Thị Diễm sở hữu 2.000 cổ phiếu (0,039% cổ phần) - Em gái là Nguyễn Thị Liên sở hữu 1.000 cổ phiếu (0,019% cổ phần) - Em trai là Nguyễn Gia Khoa sở hữu 19.000 cổ phiếu (0,372% cổ phần) - CTCP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam (Ông Nguyễn Gia Long là Chủ tịch HĐQT) sở hữu 1.000.000 cổ phiếu (0,196% cổ phần)

Ông Nguyễn Gia Minh – Thành viên HĐQT không điều hành

Họ và tên:	NGUYỄN GIA MINH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT không điều hành
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức	Không có

khác:	
Quá trình công tác:	
- Năm 2009 - nay	Thành viên HĐQT Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phiếu (0,039% cổ phần) - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không có

Ông Nguyễn Bá Huân – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Như đã trình bày ở phần Ban Tổng Giám đốc)

Ông Vũ Tuấn Hoàng – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Như đã trình bày ở phần Ban Tổng Giám đốc)

Ông Nguyễn Thanh Sang – Thành viên HĐQT độc lập

Họ và tên:	NGUYỄN THANH SANG
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT độc lập
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Không có
Quá trình công tác:	
- Năm 2019 - nay	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không có

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị vì mỗi thành viên HĐQT đều được phân công chịu trách nhiệm về một lĩnh vực chuyên trách cụ thể.

c. *Hoạt động của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2022, HĐQT đã theo dõi sát sao các hoạt động của Công ty và có những chỉ đạo, đưa ra phương hướng nhanh chóng, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT đã triệu tập 14 cuộc họp, ban hành 14 Nghị quyết/Quyết định, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung và kết quả
1	01/2022/NQ-TNT	08/02/2022	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
2	02/2022/NQ-TNT	04/03/2022	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	03/2022/NQ-TNT	08/03/2022	Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Boskalis Việt Nam
4	04/2022/NQ-TNT	22/03/2022	Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022
5	05/2022/NQ-TNT	04/04/2022	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT
6	06/2022/NQ-TNT	19/04/2022	Thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Boskalis Việt Nam
7	07/2022/NQ-TNT	09/05/2022	Chấm dứt việc thực hiện và thanh lý hợp đồng nhận chuyển nhượng 84 lô đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Trí Nguyễn
8	08/2022/NQ-TNT	30/06/2022	Thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm 2022
9	09/2022/NQ-TNT	15/07/2022	Thay đổi người đại diện pháp luật Công ty TNHH Quản lý quỹ và Đầu tư tài chính TNT – Công ty con
10	10/2022/NQ-TNT	18/07/2022	Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh

11	11/2022/NQ-TNT	21/07/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Trương Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh
12	12/2022/NQ-TNT	03/08/2022	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT
13	13/2022/NQ-TNT	04/08/2022	Thông qua một số công việc thuộc thẩm quyền
14	14/2022/NQ-TNT	27/12/2022	Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Đến thời điểm hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 01 thành viên độc lập là ông Nguyễn Thanh Sang. Trong năm 2022, ông Sang có nhiều đóng góp tích cực, đưa ra nhiều ý kiến khách quan, độc lập cho hoạt động của HĐQT; hoàn thành việc giám sát bộ máy quản lý, điều hành, ngăn ngừa xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

e. Danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị Công ty và có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Tất cả các thành viên HĐQT Công ty chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty theo quy định. Tuy nhiên chúng tôi thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị Công ty và sẽ tham gia khi các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát bao gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, Trưởng ban do các thành viên BKS bầu, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Giáp	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Trần Thị Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Hà Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Giáp – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên:	NGUYỄN VĂN GIÁP
------------	-----------------

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Chức vụ hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Không có
Quá trình công tác:	
Tháng 04/2019	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không có

Bà Trần Thị Trâm – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	TRẦN THỊ TRÂM
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Không có
Quá trình công tác:	
Tháng 04/2021	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 800 cổ phiếu (0,001% cổ phần) - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không có

Bà Hà Huyền Trang – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	HÀ HUYỀN TRANG
------------	-----------------------

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Không có
Quá trình công tác:	
T5/2010 – T10/2012	Thư ký HĐQT Công ty cổ phần Tài Nguyên kiêm ủy viên BCH Công đoàn
T10/2012 – T3/2013	Trợ lý GD công ty TNHH truyền thông và giải trí Ngày Mới
T7/2013 – T4/2014	Kế toán viên Công ty cổ phần truyền thông và giải trí Ngày Mới
Năm 2014 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát của CTCP Tập đoàn TNT
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không có

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và theo yêu cầu để nắm tình hình hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện:

- Báo cáo cho cổ đông tại ĐHĐCĐ việc giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát;
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết, quyết định trong năm 2022 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2022 của Công ty;
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT thông qua việc được cung cấp đầy đủ và rõ ràng những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như

quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp HĐQT. Qua các cuộc họp cùng HĐQT, Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn để cùng nhau phân tích, đánh giá đưa ra những quyết định tối ưu nhất vừa tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành vừa tối ưu hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Bên cạnh đó, trong quá trình giám sát việc thực hiện hoạt động Công ty, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã nhiệt tình cung cấp các thông tin theo yêu cầu, tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao của HĐQT năm 2022 đã thực hiện chi trả là 0 đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT	Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2022 và Công văn số 0302/2023/CV-TNT về đính chính thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã kiểm toán được công bố ngày 03/02/2023, tính đến ngày 31/12/2022, Công ty không tạm ứng, tạm trích thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và chờ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 để thông qua vấn đề này. Công ty sẽ hạch toán tạm ứng, tạm trích thù lao năm 2022 (nếu có) vào năm 2023.
2	Nguyễn Gia Minh	Thành viên HĐQT không điều hành	
3	Nguyễn Bá Huân	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	
4	Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	
5	Nguyễn Thanh Sang	Thành viên HĐQT độc lập	

Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2022 đã thực hiện chi trả là 0 đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Nguyễn Văn Giáp	Trưởng Ban Kiểm soát	Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2022 và Công văn số 0302/2023/CV-TNT về đính chính thuyết minh Báo cáo tài chính riêng
2	Trần Thị Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát	
3	Hà Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	

			<p>năm 2022 đã kiểm toán được công bố ngày 03/02/2023, tính đến ngày 31/12/2022, Công ty không tạm ứng, tạm trích thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và chờ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 để thông qua vấn đề này. Công ty sẽ hạch toán tạm ứng, tạm trích thù lao năm 2022 (nếu có) vào năm 2023.</p>
--	--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc năm 2022 là 1.128.000 đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương (VNĐ)
1	Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc	360.000.000
2	Nguyễn Bá Huấn	Phó Tổng Giám đốc	240.000.000
3	Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	240.000.000
4	Vũ Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	288.000.000

b. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT	16.500.020	32,352%	16.500.020	32,352%	-
2	Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc	1.700.000	3,333%	1.500.000	2,941%	Mục đích cá nhân
3	Nguyễn Bá Huấn	TV HĐQT, Phó TGD	4.299.000	8,429%	4.299.000	8,429%	-

4	Vũ Tuấn Hoàng	Phó TGD thường trực	154.300	0,302%	154.300	0,302%	-
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam	Công ty có liên quan	1.000.000	0,196%	1.000.000	0,196%	-

c. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*

Không có.

d. *Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do người nội bộ của công ty nắm quyền kiểm soát*

Không có.

4. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Trong năm, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát Công ty luôn chấp hành tốt và đầy đủ các quy định của Pháp luật hiện hành về quản trị Công ty đại chúng.

Hoạt động kiểm toán nội bộ: Ngày 27/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, theo đó Bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ hiệu quả quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi nhiệm vụ được giao và đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu, mục đích của Công ty.

Các hoạt động quan hệ với nhà đầu tư đã thực hiện trong năm:

+ Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo quy định pháp luật

+ Thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về công bố thông tin theo quy định pháp luật; đảm bảo tính trung thực, minh bạch, công khai, kịp thời của công bố thông tin.

- Các kế hoạch tăng cường hiệu quả trong quản trị công ty:

+ Liên tục cập nhật những quy định mới, cử cán bộ chuyên trách theo dõi và báo cáo thường xuyên.

+ Chủ động tăng cường minh bạch hóa thông tin của Công ty cho các cổ đông thông qua cập nhật các thông tin về tình hình hoạt động Công ty trên website và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Công ty hiện không thực hiện kiểm định lượng phát thải khí nhà kính của riêng Công ty. Tuy nhiên để giảm thiểu tối đa tác động lên môi trường, Công ty đã chỉ đạo và khuyến khích các cán bộ nhân viên và thành viên của Công ty thực hiện tiết kiệm tối đa các nguồn năng lượng, giảm thiểu phát thải khí nhà kính bằng nhiều biện pháp như:

- + Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, tiết kiệm nước
- + Sử dụng điều hòa một cách hợp lý
- + Sử dụng bóng đèn LED ...

2. Quản lý nguồn nhiên liệu

Công ty chủ yếu sử dụng nguyên vật liệu đầu vào có thể tái chế được và kiểm soát nguồn nhiên liệu đầu vào thân thiện với môi trường.

3. Tiêu thụ năng lượng

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiết kiệm điện:

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Công ty luôn khuyến khích các cán bộ nhân viên của công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp tiết kiệm năng lượng như: tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng điều hòa một cách hợp lý, ưu tiên sử dụng bóng đèn LED để tiết kiệm điện ... Nhờ đó Công ty có thể giảm thiểu chi phí, vừa có thể góp phần giảm thiểu tác động gây hại lên môi trường.

4. Tiêu thụ nước

Nguồn nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn cấp nước do các cơ quan, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động.

Công ty luôn chủ trương tiết kiệm nước, chỉ sử dụng nguồn nước khi thực sự cần thiết để tránh lãng phí và góp phần bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Công ty luôn tuân thủ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định đối với các dự án do công ty thực hiện.

6. Chính sách liên quan đến người lao động

Năm 2022, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thường các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo nội bộ cho cán bộ nhân viên trong công ty về kỹ năng, kiến thức chuyên sâu áp dụng trong từng mảng hoạt động của Công ty nhằm phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức việc xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,... tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội. Hằng năm, Công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh trong cuộc sống, cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn.

Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định và giải pháp về môi trường.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán TTP: “*Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*”.

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Chi tiết Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn TNT đã được công bố thông tin ngày 18/01/2023 và được đăng trên website:

www.tainguyen.vn. Xin xem Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2022 tại phụ lục đính kèm. Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2022 Quý nhà đầu tư xin download từ website của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT
TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo Tài chính hợp nhất	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tài Nguyên, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007 và thay đổi lần thứ 25 ngày 05 tháng 07 năm 2022.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Cổ phần thay đổi lần thứ 25 ngày 05 tháng 07 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 510.000.000.000 đồng (năm trăm mười tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là TNT.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Sang	Thành viên HĐQT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Giáp	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trần Thị Tâm	Thành viên
Bà Hà Huyền Trang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Ông Lê Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/08/2022
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2023

T/M Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh



Số: 11/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT, được lập ngày 14/01/2023, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT** tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0739-2023-133-1

Kiểm toán viên

Phạm Thị Tuyên
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 1474-2021-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		503.196.840.921	504.617.440.645
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	358.315.612.229	142.277.524.504
111	1. Tiền		28.015.612.229	2.497.524.504
112	2. Các khoản tương đương tiền		330.300.000.000	139.780.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.a	40.274.081.002	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		43.470.024.618	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(3.195.943.616)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		78.305.751.966	299.127.123.326
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	77.822.530.397	93.087.373.064
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	4.350.516.500	219.110.259.909
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6.a	48.754.039.966	20.947.592.672
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	7	(52.621.334.897)	(34.018.102.319)
140	IV. Hàng tồn kho	8	26.095.201.835	62.318.508.926
141	1. Hàng tồn kho		26.095.201.835	62.318.508.926
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		206.193.889	894.283.889
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12.a	205.371.804	13.899.454
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		88.889	876.722.061
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	733.196	3.662.374
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		99.230.027.153	81.570.648.388
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		74.002.500.000	81.001.500.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6.b	74.002.500.000	81.001.500.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		140.314.570	561.258.202
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	140.314.570	561.258.202
222	- Nguyên giá		3.429.650.909	3.429.650.909
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.289.336.339)	(2.868.392.707)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		47.365.000	47.365.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(47.365.000)	(47.365.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	11.b	25.087.212.583	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		30.000.000.000	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(4.912.787.417)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	7.890.186
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12.b	-	7.890.186
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		602.426.868.074	586.188.089.033

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		42.837.365.644	33.530.231.222
310	I. Nợ ngắn hạn		39.093.972.287	30.136.941.222
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.754.328.466	10.041.345.697
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.956.895.594	3.917.039.516
314	4. Phải trả người lao động		165.000.000	121.000.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.991.113.989	3.598.192.625
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16.a	2.080.148.175	12.181.803.384
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17.a	30.146.486.063	277.560.000
330	II. Nợ dài hạn		3.743.393.357	3.393.290.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16.b	3.627.663.357	3.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.b	115.730.000	393.290.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		559.589.502.430	552.657.857.811
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	559.589.502.430	552.657.857.811
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		510.000.000.000	510.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		510.000.000.000	510.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.931.000.000	1.931.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.658.502.430	40.726.857.811
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		40.726.857.811	10.989.865.648
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.931.644.619	29.736.992.163
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		602.426.868.074	586.188.089.033

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Bảo Hoa

Vũ Thị Hồng Nhung

Lưu Quang Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Đơn vị tính: VND
Năm trước

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	379.278.024.325	640.949.396.541
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		379.278.024.325	640.949.396.541
11	4. Giá vốn hàng bán	20	350.483.291.229	587.507.092.692
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)		28.794.733.096	53.442.303.849
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.326.571.736	740.238.648
22	7. Chi phí tài chính	22	8.569.019.094	91.956.097
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		406.392.595	91.956.097
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	23	558.002.847	164.031.579
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	21.960.727.048	17.043.423.887
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		4.033.555.843	36.883.130.934
31	12. Thu nhập khác	25	4.926.533.816	28.353.471
32	13. Chi phí khác	26	211.571.954	120.358.593
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		4.714.961.862	(92.005.122)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		8.748.517.705	36.791.125.812
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	1.816.873.086	7.054.133.649
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		6.931.644.619	29.736.992.163
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		6.931.644.619	29.736.992.163
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	135,91	1.111,35

Người lập biểu

Phạm Thị Bảo Hoa

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Nhung

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

Lưu Quang Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Phương pháp gián tiếp
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	8.748.517.705	36.791.125.812
	2. Điều chỉnh cho các khoản	25.164.558.695	14.026.926.437
02	- Khấu hao tài sản cố định	420.943.632	541.475.503
03	- Các khoản dự phòng	26.711.963.611	14.133.733.485
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.374.741.143)	(740.238.648)
06	- Chi phí lãi vay	406.392.595	91.956.097
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	33.913.076.400	50.818.052.249
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	210.093.771.954	(69.669.304.031)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	36.223.307.091	(36.801.782.091)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(17.703.211.198)	(54.780.676.752)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(183.582.164)	791.809
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	(43.470.024.618)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	(406.392.595)	(91.956.097)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.394.964.351)	(3.162.106.786)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	214.071.980.519	(113.686.981.699)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	-	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(30.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.374.741.143	740.238.648
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(27.625.258.857)	740.238.648

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Tiếp theo)
 Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	255.000.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	47.923.743.435	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(18.332.377.372)	(277.560.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	29.591.366.063	254.722.440.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	216.038.087.725	141.775.696.949
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	142.277.524.504	501.827.555
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	358.315.612.229	142.277.524.504

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Bảo Hoa

Vũ Thị Hồng Nhung



Lưu Quang Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tài Nguyên, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007 và thay đổi lần thứ 25 ngày 05 tháng 07 năm 2022.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Cổ phần thay đổi lần thứ 25 ngày 05 tháng 07 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 510.000.000.000 đồng (năm trăm mười tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là TNT.

Số lượng cán bộ nhân viên trong kỳ kế toán: 15 người.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng; và
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, Công ty cũng đã lập Báo cáo Tài chính riêng của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 phát hành ngày 12 tháng 01 năm 2022.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Tập đoàn TNT và Công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ	tỷ lệ sở hữu (%)	tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Quản lý quỹ và đầu tư tài chính TNT	Km 28, thông Tân Phương, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh bất động sản

Sự kiện phát sinh trong năm trước: Nghị quyết HĐQT số 10/2021/NQ-TNT ngày 09/12/2021 về việc góp vốn thành lập Công ty CP TM Xuất nhập khẩu Tài Nguyên: Vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng, trong đó Công ty CP Tập đoàn TNT góp 27.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ sở hữu vốn là 90%. Ngày 14/12/2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109854634 cấp lần đầu cho Công ty CP TM Xuất nhập khẩu Tài Nguyên và thay đổi lần thứ nhất ngày 03/06/2022: Vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng, người đại diện theo Pháp luật là Bà Trần Thị Dung – Giám đốc Công ty. Đến ngày 31/12/2022 và tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty CP Tập đoàn TNT chưa thực hiện góp vốn vào Công ty CP TM Xuất nhập khẩu Tài Nguyên.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải truyền dẫn: Khấu hao từ 06 – 10 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thoả thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thoả thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) và ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau: Theo các điều khoản thoả thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thông báo từ BCC hoặc phân chia sản phẩm phụ thuộc vào khả năng có lợi nhất theo thoả thuận của BCC.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm: Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Cơ sở lập báo cáo hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công

ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính,
Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2022**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	4.193.768.674	619.799.381
Tiền gửi ngân hàng không năm hạn	23.821.843.555	1.877.725.123
Các khoản tương đương tiền (*)	330.300.000.000	139.780.000.000
Cộng	358.315.612.229	142.277.524.504

(*): Chi tiết các khoản tương đương tiền:

- Hợp đồng tiền gửi số 15122022/HDTG/NHN0MĐ-TNT tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, số tiền gửi 50.300.000.000 đồng, kỳ hạn 01 tháng kể từ ngày 15/12/2022, lãi suất 5,5%/năm, lãi nhận cuối kỳ.

- Các hợp đồng tiền gửi có năm hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng số tiền gửi 280.000.000.000 đồng, kỳ hạn 01 đến 02 tháng kể từ tháng 12/2022, lãi suất từ 5-6%/năm, lãi nhận cuối kỳ.

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP ĐTXD và CN Môi trường Tinh Điện Biên	39.455.500.000	42.000.000.000
Công ty sản xuất thực phẩm An Toàn	9.685.671.000	5.904.440.000
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	6.593.463.097
Công ty CP XNK TM Thực phẩm Tuấn Tùng	10.363.406.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và TM HUTRAM Việt Nam	2.343.234.300	7.012.040.000
Công ty TNHH XNK Dịch vụ TM Hà Mộc		19.832.900.001
Công ty CP TM & DV Starvi VN	8.963.080.000	7.003.890.744
Các đối tượng khác	418.176.000	4.740.639.222
Cộng	77.822.530.397	93.087.373.064

c. Số dư với các bên liên quan

(Được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 32)

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Cty CP XNK Đầu tư An Bình		19.870.029.930
Cty CP XNK và Phát triển TM An Bình		22.528.187.979
Cty TNHH XNK Thực phẩm Tân Đại Phát		10.000.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Nga - Điện Biên		1.070.000.000
Công ty CP Đầu tư XD BĐS Trí Nguyễn		165.000.000.000
Công ty CP Thương mại và XD Đông Dương	2.797.616.500	
Các đối tượng khác	1.552.900.000	642.042.000
Cộng	4.350.516.500	219.110.259.909

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	48.754.039.966	2.100.000.000	20.947.592.672	2.100.000.000
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.050.000	-
Bảo hiểm y tế	-	-	151.035	-
Tạm ứng	26.165.000.000	-	-	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.889.487	-	-	-
Phải thu khác ngắn hạn	22.587.150.479	-	20.946.391.637	-
- Công ty CP Đầu tư XD và công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (1)	18.924.053.219	-	17.744.055.199	-
- Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	3.000.000.000	2.100.000.000	3.000.000.000	2.100.000.000
- Phải thu khác	663.097.260	-	202.336.438	-
b. Dài hạn	74.002.500.000	12.000.000.000	81.001.500.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.500.000	-	1.500.000	-
Phải thu khác dài hạn	74.000.000.000	12.000.000.000	81.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư XD BDS Trí Nguyễn	-	-	7.000.000.000	-
- Tổng Công ty CP MBLand (2)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư XD và công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (3)	24.000.000.000	12.000.000.000	24.000.000.000	-
Cộng	122.756.539.966	14.100.000.000	101.949.092.672	2.100.000.000

Trong đó, số dư với các bên liên quan

(Được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 32)

(1): Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2016 ngày 05 tháng 01 năm 2016 của dự án "Khu nhà ở Tân Thanh" và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT ngày 05 tháng 01 năm 2016 của dự án "Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên" với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên, Công ty CP Tập đoàn TNT được ủy quyền thực hiện chi hộ một số chi phí cho hai Dự án trên. Sau đó, Công ty CP Tập đoàn TNT thực hiện thu hồi lại số tiền đã thực hiện thanh toán hộ cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên.

(2): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2019-HĐHT/MBL-TN ngày 09 tháng 12 năm 2019, các bên hợp tác đầu tư dự án Tổ hợp khách sạn resort cao cấp tại L0 D11, khu 1 thuộc Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Hợp đồng này được thực hiện dưới hình thức hợp tác đầu tư và phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới với đối tác kinh doanh. Tổng vốn đầu tư dự kiến xác định theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3712100577 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp là 660 tỷ đồng, Công ty CP Tập đoàn TNT góp 50 tỷ đồng bằng chuyển khoản, ngoài khoản tiền vốn góp của Công ty CP Tập đoàn TNT, Tổng Công ty CP MBLand có trách nhiệm góp toàn bộ số tiền vốn đầu tư còn lại để triển khai thực hiện Dự án. Việc kinh doanh kinh doanh khai thác sản phẩm thuộc Dự án, phân chia lợi nhuận và quyền lợi của các bên sẽ được thống nhất thông qua việc ký kết phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm (nếu có).

(3): Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT giữa Công ty CP Tập đoàn TNT (bên B) và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (Bên A) ký ngày 05 tháng 01 năm 2016 về hợp tác đầu tư Dự án "*Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên*". Mục đích của Hợp đồng là đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên lô đất có diện tích là 13.323 m² để được phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Bên B đã góp vốn bằng tiền chuyển khoản là 24 tỷ đồng chiếm 65% tổng mức đầu tư của Dự án (tổng mức đầu tư của Dự án là 37 tỷ đồng). Hai bên phân chia lợi nhuận của Dự án theo tỷ lệ vốn góp trên tổng mức đầu tư của Dự án. Tại ngày 31/12/2022, dự án đã hoàn thành nhưng chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để thanh lý hợp đồng.

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Đầu tư xây dựng và CN Môi trường tỉnh Điện Biên (TK131)	39.455.500.000	11.836.650.000	42.000.000.000	21.000.000.000
Công ty TNHH Tân Cương		-	4.024.639.222	-
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	-	6.593.463.097	-
Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	3.000.000.000	-	3.000.000.000	900.000.000
Công ty CP Đầu tư XD và công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (TK1388)	24.000.000.000	12.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty CP Đầu tư BĐS và Kiểm định xây dựng Việt Nam	175.000.000	-	175.000.000	-
Liên đoàn Bản đồ địa chất Miền Bắc	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán SME	25.000.000	-	25.000.000	-
Công ty CP XNK TM Thực phẩm Tuần Tùng	10.363.406.000	7.254.384.200	-	-
Cộng	83.712.369.097	31.091.034.200	79.918.102.319	45.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính,
Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2022

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	26.095.201.835		25.516.726.835	
Hàng hoá	-		36.801.782.091	
Cộng	26.095.201.835	-	62.318.508.926	-

(*): Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/2017/HĐXD/HĐ-TN ngày 10/03/2017: Công ty CP Tập đoàn TNT là nhà thầu thi công hạ tầng kỹ thuật (giao thông, tường kè, tường rào, thoát nước mưa, thoát nước thải) của Dự án Khu nhà ở Tân Thanh tại phường Tân Thanh và phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Dự án đang trong quá trình nghiệm thu và quyết toán.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Đơn vị tính: VND	
				Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm	3.429.650.909	-		3.429.650.909
Số dư cuối năm	3.429.650.909	-		3.429.650.909
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.868.392.707			2.868.392.707
Số tăng trong năm	420.943.632	-		420.943.632
- Khấu hao trong năm	420.943.632			420.943.632
Số giảm trong năm	-	-		-
Số dư cuối năm	3.289.336.339	-		3.289.336.339
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	561.258.202	-		561.258.202
Tại ngày cuối năm	140.314.570	-		140.314.570

- GTCL tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ HH dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho khoản vay: 140.314.570 VND

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022: 903.989.091 VND

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Đơn vị tính: VND	
				Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm	47.365.000	-		47.365.000
Số dư cuối năm	47.365.000	-		47.365.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	47.365.000			47.365.000
Số dư cuối năm	47.365.000	-		47.365.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-		-
Tại ngày cuối năm	-	-		-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022: 47.365.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a. Ngắn hạn				
Chứng khoán kinh doanh (1)	43.470.024.618	40.274.081.002	(3.195.943.616)	-
	43.470.024.618	40.274.081.002	(3.195.943.616)	-
b. Dài hạn				
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	30.000.000.000		(4.912.787.417)	-
- Công ty CP Quản lý vốn và khai thác tài sản Thời cơ Việt Nam (2)	30.000.000.000	(*)	(4.912.787.417)	(*)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2022 như sau:

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Đây là giá trị ghi sổ tại ngày 31/12/2022 của các khoản đầu tư mua cổ phiếu đang được niêm yết trên sàn HOSE và HNX.

(2) Theo Nghị Quyết số 14/2022/NQ-TNT được Hội đồng quản trị thông qua ngày 05/08/2022, đã công bố thông tin số 28/2022-TNT ngày 05/08/2022, Công ty CP Tập đoàn TNT góp vốn 30.000.000.000 đồng, chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty CP Quản lý vốn và Khai thác Tài sản Thời cơ Việt Nam (Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng). Tuy nhiên, phía Công ty CP Quản lý vốn và khai thác Tài sản Thời cơ Việt Nam chưa hoàn tất việc góp vốn theo quy định (Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2022 là 60.000.000.000 đồng). Công ty CP Tập đoàn TNT đã góp 30.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ sở hữu vốn là 50%, tỷ lệ quyền biểu quyết là 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính,
Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2022**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	205.371.804	13.899.454
Cộng	205.371.804	13.899.454
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	7.890.186
Cộng	-	7.890.186

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty TNHH TM SX Lan Anh Hoa Cương	1.587.000.000	1.587.000.000	8.537.000.000	8.537.000.000
Công ty TNHH XD Việt Đức	449.402.160	449.402.160	449.402.160	449.402.160
Các đối tượng khác	717.926.306	717.926.306	1.054.943.537	1.054.943.537
Cộng	2.754.328.466	2.754.328.466	10.041.345.697	10.041.345.697

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	627.140.537			627.140.537
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.929.178	3.894.956.041	1.816.873.086	4.394.964.351		1.313.935.598
Thuế Thu nhập cá nhân	-	22.083.475	54.774.434	61.038.450		15.819.459
Các loại thuế khác	733.196	-	28.377.538	28.377.538	733.196	-
Cộng	3.662.374	3.917.039.516	2.527.165.595	4.484.380.339	733.196	1.956.895.594

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính,
Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2022

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công ty CP TV Đầu tư phát triển và xây dựng THIKECO		925.823.636
- DNTN xây dựng Long Lâm Điện Biên		593.255.000
- Công ty CP Xây dựng Henyco Việt Nam	1.991.113.989	1.991.113.989
- Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt		88.000.000
Cộng	1.991.113.989	3.598.192.625

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	2.080.148.175	12.181.803.384
Kinh phí công đoàn	45.839.787	34.919.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.034.308.388	12.146.883.597
- Ông Dương Văn Hợi		7.000.000.000
- Các đối tượng khác	2.034.308.388	5.146.883.597
b. Dài hạn	3.627.663.357	3.000.000.000
Các khoản nhận thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.627.663.357	3.000.000.000
Phải trả dài hạn khác (*)	-	-
Cộng	5.707.811.532	15.181.803.384

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngân hạn	30.146.486.063	30.146.486.063	48.201.303.435	18.332.377.372	277.560.000	277.560.000
Vay ngắn hạn	29.868.926.063	29.868.926.063	47.923.743.435	18.054.817.372	-	-
- Công ty CP Chứng khoán SSI - CN Hà Nội (1a)	7.519.091.233	7.519.091.233	16.123.635.114	8.604.543.881	-	-
- Công ty CP Chứng khoán SSI - CN Hà Nội (1b)	17.349.834.830	17.349.834.830	26.800.108.321	9.450.273.491	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Đông Đô - PGD Hoàng Đạo Thúy (2)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	277.560.000	277.560.000	277.560.000	277.560.000	277.560.000	277.560.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình (3)	277.560.000	277.560.000	277.560.000	277.560.000	277.560.000	277.560.000
b. Dài hạn	115.730.000	115.730.000	-	277.560.000	393.290.000	393.290.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình (3)	115.730.000	115.730.000	-	277.560.000	393.290.000	393.290.000
Cộng	30.262.216.063	30.262.216.063	48.201.303.435	18.609.937.372	670.850.000	670.850.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

(1a): Hợp đồng mở tài khoản chứng khoán và đăng ký dịch vụ ký quỹ số 003C5566796 ngày 15/11/2022 tại Công ty CP Chứng khoán SSI - CN Hà Nội - Phòng giao dịch Lê Văn Lương, thời hạn vay là 90 ngày, tài sản thế chấp chính là các mã chứng khoán mà Công ty CP Tập đoàn TNT ký quỹ tại Công ty CP Chứng khoán SSI. Lãi suất áp dụng riêng cho từng mã chứng khoán và từng thời điểm cụ thể.

(1b): Hợp đồng mở tài khoản chứng khoán và đăng ký dịch vụ ký quỹ số 003C5559796 ngày 03/11/2022 tại Công ty CP Chứng khoán SSI - CN Hà Nội - Phòng giao dịch Lê Văn Lương, thời hạn vay là 90 ngày, tài sản thế chấp chính là các mã chứng khoán mà Công ty TNHH Quản lý quỹ và đầu tư tài chính TNT ký quỹ tại Công ty CP Chứng khoán SSI. Lãi suất áp dụng riêng cho từng mã chứng khoán và từng thời điểm cụ thể.

(2): Hợp đồng hạn mức thấu chi số DDA2022673158/HĐHMTc ngày 12/09/2022, vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Đông Đô - PGD Hoàng Đạo Thúy với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng là 5.000.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh của Công ty; thời hạn cho vay 12 tháng.

(3): Hợp đồng tín dụng số 079/17/HĐTD/0802-6251 ngày 19/05/2017 tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Hà Nội - PGD Ba Đình với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 1.943.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung tài sản cố định - Mua xe ô tô Mercedes - Benz E250, thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giấy nhận nợ, các hình thức bảo đảm tiền vay: Giá trị tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải số 008/17/HĐTC.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	255.000.000.000	2.019.000.000	10.989.865.648	268.008.865.648
Tăng trong năm trước	255.000.000.000			255.000.000.000
Lãi/ (lỗ) trong năm trước			29.736.992.163	29.736.992.163
Phân phối lợi nhuận				-
Giảm trong năm trước		(88.000.000)		(88.000.000)
Số dư cuối năm trước	510.000.000.000	1.931.000.000	40.726.857.811	552.657.857.811
Số dư đầu năm nay	510.000.000.000	1.931.000.000	40.726.857.811	552.657.857.811
Tăng trong năm				-
Lãi/ (lỗ) trong năm			6.931.644.619	6.931.644.619
Giảm trong năm				-
Số dư cuối năm	510.000.000.000	1.931.000.000	47.658.502.430	559.589.502.430

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Gia Long	165.000.200.000	32,35%	165.000.200.000	32,35%
Ông Nguyễn Bá Huân	42.990.000.000	8,43%	32.990.000.000	6,47%
Các cổ đông khác	302.009.800.000	59,22%	312.009.800.000	61,18%
	510.000.000.000	100%	510.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	510.000.000.000	255.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		255.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	510.000.000.000	510.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.000.000	51.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.000.000	51.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.000.000	51.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính,
Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2022**19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa - Công ty mẹ	379.278.024.325	638.048.615.321
- Doanh thu bán hàng hóa - Công ty con		2.900.781.220
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	379.278.024.325	640.949.396.541

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán hàng hóa - Công ty mẹ	350.483.291.229	584.801.157.792
- Giá vốn bán hàng hóa - Công ty con		2.705.934.900
- Giá vốn cung cấp dịch vụ		
Cộng	350.483.291.229	587.507.092.692

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi	2.374.741.143	740.238.648
- Lãi đầu tư chứng khoán	3.951.830.593	
Cộng	6.326.571.736	740.238.648

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	406.392.595	91.956.097
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	8.108.731.033	
- Lỗ đầu tư chứng khoán	53.895.466	
Cộng	8.569.019.094	91.956.097

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân công	558.002.847	164.031.579
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Cộng	558.002.847	164.031.579

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	1.729.165	
- Chi phí nhân công	1.565.238.762	1.341.967.369
- Chi phí khấu hao	420.943.632	541.475.503
- Chi phí dự phòng	18.603.232.578	14.135.671.280
- Thuế, phí, lệ phí	6.500.000	6.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.331.175.002	950.982.376
- Chi phí khác bằng tiền	31.907.909	67.327.359
Cộng	21.960.727.048	17.043.423.887

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính,
Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2022

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Tiền bồi thường hợp đồng	4.000.000.000	
- Thu nhập khác	926.533.816	28.353.471
Cộng	4.926.533.816	28.353.471

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi chậm nộp thuế (Công ty chủ động kê khai và tự nộp)	61.570.755	120.358.593
- Chi phí lập quy hoạch chi tiết 1/500 DA Nghi dưỡng Tân Thành	150.000.000	
- Các khoản khác	1.199	
Cộng	211.571.954	120.358.593

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm nay	1.816.873.086	7.054.133.649

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.931.644.619	29.736.992.163
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST (*)		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.931.644.619	29.736.992.163
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	51.000.000	26.757.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	135,91	1.111,35

(*): Công ty chưa ước tính phân bổ Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2021 và 2022. Do đó, việc tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay không bao gồm ảnh hưởng của Quỹ khen thưởng phúc lợi được phân bổ.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	358.315.612.229		142.277.524.504	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	200.579.070.363	(52.621.334.897)	195.036.465.736	(34.018.102.319)
Đầu tư ngắn hạn	43.470.024.618	(3.195.943.616)	-	-
Đầu tư dài hạn	-	(4.912.787.417)	-	-
Cộng	602.364.707.210	(60.730.065.930)	337.313.990.240	(34.018.102.319)

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	30.262.216.063	670.850.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.462.139.998	25.223.149.081
Chi phí phải trả	1.991.113.989	3.598.192.625
Cộng	40.715.470.050	29.492.191.706

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có năm hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính,
Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	358.315.612.229			358.315.612.229
Phải thu khách hàng, phải thu khác	126.576.570.363	74.002.500.000		200.579.070.363
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	43.470.024.618			43.470.024.618
Đầu tư dài hạn			-	-
Cộng	528.362.207.210	74.002.500.000	-	602.364.707.210
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.277.524.504			142.277.524.504
Phải thu khách hàng, phải thu khác	114.034.965.736	81.001.500.000		195.036.465.736
Các khoản cho vay	-	-		-
Cộng	256.312.490.240	81.001.500.000	-	337.313.990.240

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	30.146.486.063	115.730.000		30.262.216.063
Phải trả người bán, phải trả	4.834.476.641	3.627.663.357		8.462.139.998
Chi phí phải trả	1.991.113.989	-		1.991.113.989
Cộng	36.972.076.693	3.743.393.357	-	40.715.470.050
Số đầu năm				
Vay và nợ	277.560.000	393.290.000		670.850.000
Phải trả người bán, phải trả	22.223.149.081	3.000.000.000		25.223.149.081
Chi phí phải trả	3.598.192.625	-		3.598.192.625
Cộng	26.098.901.706	3.393.290.000	-	29.492.191.706

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính,
Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2022

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND	
					Tổng
Doanh thu thuần ra bên	379.278.024.325	-		379.278.024.325	
Chi phí bộ phận	350.483.291.229	-		350.483.291.229	
Kết quả kinh doanh bộ phận	28.794.733.096	-		28.794.733.096	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				22.518.729.895	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				6.276.003.201	
Doanh thu hoạt động TC				6.326.571.736	
Chi phí tài chính				8.569.019.094	
Thu nhập khác				4.926.533.816	
Chi phí khác				211.571.954	
Thuế TNDN hiện hành				1.816.873.086	
Lợi nhuận sau thuế				6.931.644.619	

32. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch HĐQT
Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Huấn	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên	Công ty hợp tác kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính,
Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2022**b. Số dư với bên liên quan****Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên:**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	39.455.500.000	42.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	18.924.053.219	17.744.055.199
Phải thu dài hạn khác	24.000.000.000	24.000.000.000

c. Giao dịch với bên liên quan**Ông Nguyễn Bá Huân**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi tạm ứng	30.000.000.000	
Hoàn tạm ứng	30.000.000.000	30.000.000.000

Ông Vũ Tuấn Hoàng

Hoàn tạm ứng		20.000.000.000
--------------	--	----------------

Ông Nguyễn Gia Long

Giảm phải trả khác		50.000.000.000
--------------------	--	----------------

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lưu Quang Minh	360.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Bá Huân	240.000.000	260.000.000
Ông Vũ Tuấn Hoàng	240.000.000	260.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	288.000.000	234.000.000
Cộng	1.128.000.000	994.000.000

(Công ty không trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2022 và được công bố thông tin số 16/2022-TNT ngày 20/06/2022)

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

- Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu

Phạm Thị Bảo Hoa

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Nhung

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh

